

KẾT LUẬN THANH TRA
Quỹ tín dụng nhân dân Xuân Định

Thực hiện Quyết định số 04/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai về việc thanh tra Quỹ tín dụng nhân dân Xuân Định; Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) Xuân Định từ ngày 13/11/2023 đến ngày 01/12/2023.

Xét báo cáo kết quả thanh tra QTDND Xuân Định ngày 15/12/2023 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chánh thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai kết luận như sau:

PHẦN I
KHÁI QUÁT CHUNG

1. Cơ cấu tổ chức, địa bàn hoạt động

QTDND Xuân Định được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 22/NH-GP ngày 08/10/1997 và Quyết định số 72/NHNN-TDND ngày 08/10/1997 do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai cấp; Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã số 3600265677 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu, ngày 20/4/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 10/7/2023. Người đại diện theo pháp luật: Phạm Hữu Phước. Giới tính: Nam. Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở chính: ấp Nam Hà, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Địa bàn hoạt động gồm có 04 xã liên kề: Xuân Định và Bảo Hòa thuộc huyện Xuân Lộc; Xuân Bảo và Bảo Bình thuộc huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Quỹ hoạt động địa bàn liên xã đảm bảo theo quy định tại Điều 47 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 được sửa đổi bổ sung tại khoản 26 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Cơ cấu tổ chức hoạt động của QTDND Xuân Định: Nhân sự gồm 15 người, trong đó: Hội đồng quản trị (03 người); Ban kiểm soát (03 người); Ban điều hành (04 người) và 05 nhân viên nghiệp vụ; Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 01 người; Đại học: 12 người; Trung cấp: 01 người; phổ thông trung học: 01 người; Số người đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ QTDND: 10 người.

2. Tình hình hoạt động

- **Vốn điều lệ:** Vốn điều lệ đến thời điểm 30/9/2023 là 4.000 triệu đồng. Trong đó: 1.514 thành viên góp vốn xác lập tư cách thành viên với số vốn góp 352 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 8,8%/vốn điều lệ; 1.116 thành viên tham gia góp vốn bổ sung với số vốn góp 3.648 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 91,2%/vốn điều lệ.

- **Huy động vốn:** Đến 30/9/2023, tổng huy động vốn của QTDND Xuân Định đạt 104.846 triệu đồng, so với 31/12/2022 tăng 24.251 triệu đồng, tỷ lệ tăng 30,09%; so với 31/12/2021 tăng 14.171 triệu đồng, tỷ lệ tăng 15,63%.

- **Hoạt động cho vay:** Dư nợ đến 30/9/2023 là 66.290 triệu đồng; so với 31/12/2022 giảm -6.718 triệu đồng, tỷ lệ giảm -9,20%; so với 31/12/2021 giảm -2.981 triệu đồng, tỷ lệ giảm -4,3%.

- **Kết quả kinh doanh:** Năm 2022, lợi nhuận đạt 1.468 triệu đồng; Đến 30/9/2023, chênh lệch thu nhập trừ (-) chi phí là 801 triệu đồng.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Thanh tra hoạt động quản trị, điều hành và hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ

1.1. Hội đồng quản trị (HĐQT)

1.1.1. Về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT

- Hội đồng Quản trị QTDND Xuân Định nhiệm kỳ VII (2023-2028) gồm 03 thành viên: Ông Phạm Hữu Phước - Chủ tịch HĐQT và 02 thành viên (ông Nguyễn Thanh Hoài và bà Khương Thị Thanh Quyên); 03/03 thành viên HĐQT đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (Thông tư số 21/2019/TT-NHNN), đã được Đại hội thành viên nhiệm kỳ (2023-2028) bầu nhất trí thông qua theo danh sách nhân sự dự kiến bầu được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận tại Văn bản số 336/ĐNA-TTGS ngày 20/3/2023; nhiệm kỳ của HĐQT do Đại hội thành viên quyết định được ghi trong Điều lệ không quá 05 năm phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Hội đồng quản trị QTDND Xuân Định nhiệm kỳ VI (2018 – 2023), có 06 thành viên, đáp ứng đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định; nhiệm kỳ của HĐQT do Đại hội thành viên quyết định và được ghi trong Điều lệ tối thiểu là 03 năm và không quá 05 năm theo đúng quy định tại Điều 81 Luật các TCTD năm 2010. Gồm: Chủ tịch HĐQT (ông Phạm Văn Mùi) và 05 thành viên HĐQT (bà Khương Thị Thanh Quyên, ông Nguyễn Thanh Hoài, ông Phạm Hữu Phước, ông Phạm Hữu Phương, ông Đặng Xuân Thăng) đã được Đại hội thành viên bầu nhất trí thông qua theo danh sách nhân sự dự kiến bầu được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu tại Văn bản số 263/ĐNA-TTGS ngày 12/02/2018; các thành viên HĐQT đã có nhiều năm công tác tại QTDND đáp ứng quy định tại Điều 20 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN

ngày 31/3/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Thông tư số 04/2015/TT-NHNN) và Thông tư số 21/2019/TT-NHNN.

1.1.2. Việc ban hành các văn bản, quy định, quy trình nội bộ của HĐQT

QTDND Xuân Định đã ban hành tương đối đầy đủ các quy chế, quy định nội bộ theo quy định tại Điều 93, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), gồm: Điều lệ QTDND Xuân Định; Quy chế về ban kiểm soát, kiểm soát nội bộ và kiểm toán độc lập; Quy chế về tổ chức, hoạt động của hội đồng quản trị; Quy chế về hoạt động cho vay; Quy chế về tổ chức và hoạt động của bộ máy điều hành; Quy chế phòng chống tham nhũng, rửa tiền, tài trợ khủng bố; quản trị rủi ro, phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp; Quy chế về nội quy hoạt động, quy tắc ứng xử, giao dịch với khách hàng và thi đua khen thưởng; Quy chế hoạt động phòng giao dịch Bảo Định; Quy chế công tác kế toán, kho quỹ và các tỷ lệ an toàn; Quy chế quản lý con dấu, quy trình soạn thảo văn bản; Quy chế tiền gửi tiết kiệm, gửi tiền và nhận tiền tại các tổ chức tín dụng; Quy chế về chế độ tài chính; Quy chế nhân viên và tiền lương; Bộ quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tiêu chuẩn đạo đức, lối sống của cán bộ, nhân viên QTDND Xuân Định; Quy chế về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn; Quy định về nghiệp vụ chuyển tiền điện tử; Quy chế về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý; Quy chế an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin; Quy trình kiểm toán nội bộ; Quy định về vốn điều lệ, kết nạp, chấm dứt tư cách thành viên, chuyển nhượng, hoàn trả vốn góp và hạch toán vốn góp; Quy chế cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19...

1.1.3. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT và Chủ tịch HĐQT

- Chủ tịch HĐQT hoạt động theo chế độ chuyên trách, làm việc thường trực hàng ngày để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của QTDND, chuẩn bị nội dung, chương trình, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của HĐQT.

- Hàng tháng HĐQT có tổ chức họp do Chủ tịch HĐQT chủ trì, có lưu biên bản họp định kỳ hàng tháng, các cuộc họp có đánh giá kết quả hoạt động tháng trước, nội dung và kết luận cuộc họp được ghi đầy đủ trong biên bản họp, biên bản cuộc họp HĐQT có đủ chữ ký của chủ tọa, các thành viên HĐQT và thư ký; Biên bản cuộc họp của HĐQT có ghi nhận sự tham dự của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Chủ tịch HĐQT ban hành Nghị quyết để Ban điều hành và các bộ phận triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN và Điều 82 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Về tổ chức Đại hội thường niên: Đại hội thường niên họp mỗi năm một lần trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, do Hội đồng quản trị triệu tập, hồ sơ lưu trữ HĐQT tổ chức Đại hội thường niên theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN. Đại hội thành viên QTDND Xuân Định tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu thành viên. Tiêu chuẩn về đại biểu tham dự đại hội được quy định tại Điều lệ của QTDND Xuân Định; số lượng thành

viên tham dự đại hội phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN: “Đại hội thành viên được coi là hợp lệ khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên hoặc đại biểu thành viên dự họp”.

- Chủ tịch HĐQT là Trưởng ban tín dụng triệu tập và chủ trì các phiên họp, xét duyệt các món vay thuộc thẩm quyền của Ban tín dụng.

1.2. Ban điều hành (BDH)

1.2.1. Về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên BDH

*** Ban Điều hành nhiệm kỳ VII (2023-2028), có 03 thành viên, gồm:**

- Ông Trương Minh Hiếu - Giám đốc có bằng Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh, có nhiều năm công tác tại QTDND, cư trú trên địa bàn hoạt động của QTDND, đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN), do Đại hội thành viên bầu theo danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bầu Giám đốc QTDND Xuân Định tại Văn bản số 336/ĐNA-TTGS ngày 20/3/2022. Theo đó, HĐQT ban hành Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 14/4/2023 về việc bổ nhiệm ông Trương Minh Hiếu làm Giám đốc điều hành QTDND Xuân Định.

- Ông Nguyễn Thanh Hoài - Phó Giám đốc được bổ nhiệm theo Quyết định số 16/NQ.HĐQT ngày 20/4/2023 của Chủ tịch HĐQT.

- Ông Phạm Hữu Phương - Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng giao dịch Bảo Định được bổ nhiệm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 20/4/2023 của Chủ tịch HĐQT.

* BDH nhiệm kỳ VI (2018-2023), có 03 người: Giám đốc (bà Khương Thị Thanh Quyên được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách dự kiến bổ nhiệm Giám đốc tại Văn bản số 265/ĐNA.TTGS ngày 12/02/2018) đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định; 02 Phó giám đốc (trong đó 01 Phó Giám đốc phụ trách Phòng Giao dịch Bảo Định).

1.2.2. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BDH

Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết HĐQT và theo đúng quy định của pháp luật. Giám đốc thực hiện phân công và ủy quyền một số nhiệm vụ cho 02 Phó giám đốc, Kế toán trưởng để thực hiện. Giám đốc xét duyệt cho vay theo thẩm quyền của Giám đốc, quyết định các khoản chi theo quy định của Quy chế hoạt động của quỹ tín dụng, phân công 01 Phó giám đốc phụ trách địa bàn huyện Cẩm Mỹ gồm 02 xã: Xuân Bảo và Bảo Bình; 01 Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng giao dịch phụ trách địa bàn huyện Xuân Lộc gồm 02 xã: Xuân Định, Bảo Hòa và phụ trách toàn bộ hoạt động Kế toán, kho quỹ, nhiệm vụ khác tại Phòng giao dịch Bảo Định.

Trong thời kỳ thanh tra, Ban điều hành QTDND Xuân Định đã cơ bản điều hành các mặt hoạt động của QTDND theo đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật, chấp hành tương đối tốt các văn bản chỉ đạo của ngành, nghị quyết của HĐQT nên nguồn vốn huy động tại chỗ qua các thời điểm đều ổn định, kết quả kinh doanh

đều có lãi, tuy nhiên hoạt động cho vay đang có dấu hiệu giảm dần do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, suy thoái kinh tế toàn cầu, chính sách tiền tệ thắt chặt hơn để kiềm chế lạm phát của Nhà nước. Tuy nhiên, trong công tác điều hành còn để xảy ra một số tồn tại, hạn chế, sai sót trong các mặt nghiệp vụ được thể hiện ở phần kết quả thanh tra.

1.3. Ban kiểm soát (BKS)

1.3.1. Về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên BKS

- Ban kiểm soát QTDND Xuân Định nhiệm kỳ VII (2023-2028) gồm 03 thành viên (Trưởng ban và 02 thành viên) đã được Đại hội thành viên nhiệm kỳ (2023-2028) nhất trí thông qua theo danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu tại Văn bản số 336/ĐNA-TTGS ngày 20/03/2023; 03/03 thành viên BKS đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 83 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và tại Điều 23 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN), cụ thể:

+ Bà Nguyễn Thị Thủy - Trưởng BKS, có bằng Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh, đã qua lớp đào tạo nghiệp vụ QTDND, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn hoạt động của QTDND Xuân Định.

+ Bà Lê Thị Thùy Dung - Thành viên BKS, có bằng Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh, đã qua lớp đào tạo nghiệp vụ QTDND, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn hoạt động của QTDND Xuân Định.

+ Ông Phạm Đức Dũng - Thành viên BKS, có bằng Đại học chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, đã qua lớp đào tạo nghiệp vụ QTDND, có hộ khẩu thường trú tại địa bàn hoạt động của QTDND Xuân Định và được phân công làm kiểm toán viên nội bộ.

- Ban kiểm soát QTDND Xuân Định nhiệm kỳ VI (2018-2023), có 03 thành viên, Trưởng ban (bà Nguyễn Thị Thủy) và 02 thành viên (bà Lê Thị Thùy Dung và bà Võ Huỳnh Thanh Mai) đã được Đại hội thành viên nhiệm kỳ VI (2018-2023) nhất trí thông qua theo danh sách nhân sự dự kiến bầu đã được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận tại Văn bản số 264/ĐNA.TTGS ngày 12/02/2018; 3/3 thành viên BKS đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 83 Luật các TCTD năm 2010, Điều 23 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN), đã được Đại hội thành viên nhiệm kỳ VI (2018-2023) nhất trí thông qua. Trong nhiệm kỳ VI (2018 -2023) có sự thay đổi thành viên BKS, cụ thể: QTDND Xuân Định tiến hành tổ chức Đại hội thành viên năm 2020 miễn nhiệm bà Võ Huỳnh Thanh Mai - thành viên BKS và bầu bổ sung bà Phạm Thị Ngọc Loan - thành viên BKS theo danh sách dự kiến nhân sự bầu đã được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận tại Văn bản số 240/ĐNA-TTGS ngày 27/02/2020.

1.3.2. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của BKS

- Nhiệm kỳ của BKS theo nhiệm kỳ của HĐQT, Trưởng BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN.

- BKS thực hiện lập chương trình kiểm soát nội bộ tháng, thực hiện họp mỗi tháng ít nhất một lần, được ghi vào biên bản họp BKS do Trưởng ban triệu tập và chủ trì theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN. Trưởng BKS thực hiện phân công nhiệm vụ cho thành viên trong BKS theo đúng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 22 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN.

- Hàng tháng, quý, BKS thực hiện báo cáo công tác kiểm tra, kiểm soát theo đúng quy định.

- Trưởng BKS phân công bố trí nhân sự, đảm bảo tại trụ sở chính và Phòng giao dịch đều có thành viên Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát các mặt hoạt động hàng ngày. Ban kiểm soát cũng đã xây dựng chương trình, kế hoạch và thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất khi cần thiết nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro có thể xảy ra, góp phần cùng với Quỹ tín dụng hoàn thành các mục tiêu kế hoạch trong năm.

- Ban kiểm soát hoạt động bám sát các nội dung đã được thông qua tại Đại hội thành viên hàng năm, tuân thủ Quy chế tổ chức hoạt động và các quy định nội bộ Quỹ tín dụng, giám sát việc thực hiện các quy định tại Điều lệ của Quỹ tín dụng, quy định của ngân hàng Nhà nước và các quy chế, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các bộ phận nghiệp vụ tại quỹ đảm bảo tuân thủ và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội Thành viên. Hoạt động của Ban kiểm soát đảm bảo đúng quy định tại Điều 21 của Thông tư số 04/2015/TT-NHNN và Thông tư số 21/2019/TT-NHNN.

Trong thời kỳ thanh tra, hoạt động của BKS thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, qua kết quả kiểm tra một số hoạt động của BKS vẫn chưa phát hiện được các sai sót, hạn chế trong hoạt động của QTDND để có các kiến nghị đề xuất với HĐQT, Ban điều hành khắc phục chỉnh sửa kịp thời.

1.3.3. Về thực hiện kiểm toán nội bộ

QTDND Xuân Định có thực hiện kiểm toán nội bộ theo Quy chế kiểm toán nội bộ đã ban hành và bố trí nhân sự thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hàng năm, nhân sự được phân công nhiệm vụ kiểm toán thực hiện lập báo cáo kiểm toán và gửi kết quả kiểm toán nội bộ đúng theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011.

2. Thanh tra huy động vốn, chấp hành các quy định về lãi suất

2.1. Việc ban hành các quy định nội bộ và quy định về lãi suất huy động

- QTDND Xuân Định đã ban hành Quyết định số 18/NQ-HĐQT ngày 22/8/2019 của HĐQT về Quy chế công tác kế toán kho quỹ quản lý thanh khoản và các tỷ lệ an toàn trong hoạt động, Quyết định số 18/NQ-HĐQT ngày 22/8/2019 của HĐQT về Quy chế về tiền gửi tiết kiệm và gửi tiền, nhận tiền gửi các tổ chức tín

dụng khác; quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng. Các quy định nội bộ phù hợp với quy định tại Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tiền gửi tiết kiệm và quy định tại khoản 20 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN.

- Về lãi suất huy động: Trong thời kỳ thanh tra, căn cứ tình hình lãi suất của các Tổ chức tín dụng trên địa bàn và nhu cầu nguồn vốn trong từng thời kỳ, QTDND Xuân Định đã ban hành và công bố các mức lãi suất huy động phù hợp với quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014 và các Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ. Cụ thể sau:

Quyết định của NHNN về mức lãi suất huy động	Mức lãi suất tối đa		Quy định mức lãi suất huy động của QTDND Xuân Định	Mức lãi suất tối đa	
	Không kỳ hạn & kỳ hạn dưới 01 tháng	Kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng		Không kỳ hạn & kỳ hạn dưới 01 tháng	Kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng
Số 1729/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 (có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2020)	0,2%/năm	4,5%/năm	Thông báo số 01/TB.LSTG ngày 07/3/2022 (áp dụng từ ngày 07/3/2022)	0,2%/năm	3,5%/năm
			Thông báo số 02/TB.LSTG ngày 06/7/2022 (áp dụng từ ngày 06/7/2022)	0,2%/năm	3,3%/năm
Số 1607/QĐ-NHNN ngày 22/9/2022 (có hiệu lực kể từ ngày 23/9/2022)	0,5%/năm	5,5%/năm	Thông báo số 03/TB.LSTG ngày 05/10/2022 (áp dụng từ ngày 05/10/2022)	0,5%/năm	5,5%/năm
			Thông báo số 04/TB.LSTG ngày 17/10/2022 (áp dụng từ ngày 17/10/2022)	0,5%/năm	5,5%/năm
Số 1812/QĐ-NHNN ngày 24/10/2022 (có hiệu lực kể từ ngày 25/10/2022)	1%/năm	6,5%/năm	Thông báo số 05/TB.LSTG ngày 02/11/2022 (áp dụng từ ngày 02/11/2022)	0,5%/năm	6%/năm
			Thông báo số 06/TB.LSTG ngày 18/11/2022 (áp dụng từ ngày 21/11/2022)	0,2%/năm	6%/năm
			Thông báo số 07/TB.LSTG ngày 25/11/2022 (áp dụng từ ngày 28/11/2022)	0,2%/năm	6,5%/năm
			Thông báo số 08/TB.LSTG ngày 07/12/2022 (áp dụng từ ngày 08/12/2022)	0,2%/năm	6,5%/năm
			Thông báo số 01/TB.LSTG ngày 10/3/2023 (áp dụng từ ngày 13/3/2023)	0,2%/năm	6,5%/năm
			Thông báo số 02/TB.LSTG ngày 24/3/2023 (áp dụng từ ngày 27/3/2023)	0,2%/năm	6,5%/năm
			Thông báo số 2.1/TB.LSTG ngày 31/3/2023 (áp dụng từ ngày 31/3/2023)	0,2%/năm	6%/năm
Số 575/QĐ-NHNN ngày 31/3/2023 (có hiệu lực kể từ ngày 03/4/2023)	0,5%/năm	6%/năm	Thông báo số 03/TB.LSTG ngày 07/4/2023 (áp dụng từ ngày 10/4/2023)	0,2%/năm	5,5%/năm
Số 951/QĐ-NHNN ngày 23/5/2023 (có hiệu lực kể từ ngày 25/5/2023)	0,5%/năm	5,5%/năm	Thông báo số 04/TB.LSTG ngày 09/6/2023 (áp dụng từ ngày 12/6/2023)	0,2%/năm	5%/năm
Số 1124/QĐ-NHNN ngày 16/6/2023 (có hiệu lực kể từ ngày 19/6/2023)	0,5%/năm	5,25%/năm	Thông báo số 05/TB.LSTG ngày 07/7/2023 (áp dụng từ ngày 07/7/2023)	0,2%/năm	4,5%/năm
			Thông báo số 06/TB.LSTG ngày 10/8/2023 (áp dụng từ ngày 10/8/2023)	0,2%/năm	4,3%/năm
			Thông báo số 07/TB.LSTG ngày 8/9/2023 (áp dụng từ 8/9/2023)	0,2%/năm	4,3%/năm

Lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm được niêm yết công khai tại trụ sở giao dịch.

2.2. Thực trạng huy động vốn

Cơ cấu nguồn vốn huy động của QTDND Xuân Định tại một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021 (1)	31/12/2022 (2)	30/09/2023 (3)	So sánh			
				(3) so với (1)		(3) so với (2)	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng nguồn vốn huy động	90.675	80.596	104.846	14.171	15,6%	24.251	30,1%
A. Huy động vốn từ dân cư, trong đó:	90.675	80.596	104.846	14.171	15,6%	24.251	30,1%
I. Phân theo thời hạn	90.675	80.596	104.846	14.171	15,6%	24.251	30,1%
1. Tiền gửi KKH	0,235	0,235	0,236	0	0,4%	0	0,4%
2. Tiền gửi CKH	90.675	80.596	104.846	14.171	15,6%	24.251	30,1%
2.1. Từ 01 đến 05 tháng	23.938	16.017	15.588	-8.350	-34,9%	-429	-2,7%
2.2 Từ 06 tháng đến 11 tháng	23.357	25.542	39.077	15.720	67,3%	13.535	53,0%
2.3. Từ 12 tháng trở lên	43.380	39.037	50.181	6.801	15,7%	11.145	28,5%
II. Phân theo đối tượng	90.675	80.596	104.846	14.171	15,6%	24.251	30,1%
1. Tiền gửi của TCKT							
2. Tiền gửi của cá nhân	90.675	80.596	104.846	14.171	15,6%	24.251	30,1%
III. Phân theo thành viên	90.675	80.595	104.846	14.171	15,6%	24.251	30,1%
1. Trong thành viên	63.493	57.204	69.144	5.652	8,9%	11.940	20,9%
2. Ngoài thành viên	27.182	23.391	35.702	8.520	31,3%	12.311	52,6%
<i>Tỷ lệ huy động trong thành viên/tổng huy động vốn</i>	<i>70%</i>	<i>71%</i>	<i>65,9%</i>	<i>-4%</i>	<i>-5,8%</i>	<i>-5%</i>	<i>-7,1%</i>
IV. Phân theo địa bàn	90.675	80.596	104.846	14.171	15,6%	24.251	30,1%
1. Tại địa bàn hoạt động	78.498	74.301	92.197	13.699	17,5%	17.897	24,1%
1.1 Trong thành viên	63.493	57.204	69.144	5.652	8,9%	11.940	20,9%
1.2 Ngoài thành viên	15.005	17.097	23.053	8.048	53,6%	5.956	34,8%
2. Ngoài địa bàn hoạt động	12.177	6.295	12.649	472	3,9%	6.354	100,9%
<i>Tỷ lệ huy động tại địa bàn/tổng huy động vốn</i>	<i>86,6</i>	<i>92,2</i>	<i>87,9</i>	<i>1</i>	<i>1,6%</i>	<i>-4</i>	<i>-4,6%</i>
B. Vay vốn từ NH HTX	0	0	0				

(Nguồn: Số liệu báo cáo của QTDND Xuân Định)

- Tổng nguồn vốn hoạt động của QTDND Xuân Định đến 30/9/2023 đạt 117.459 triệu đồng. Trong đó, tiền gửi của khách hàng là 104.846 triệu đồng, vốn chủ sở hữu và vốn khác là 12.613 triệu đồng; Nguồn vốn huy động của khách hàng vẫn là nguồn quan trọng và chủ yếu nhất trong cơ cấu nguồn vốn huy động tại QTDND Xuân Định. Theo đó, tổng mức huy động tiền gửi khách hàng của QTDND Xuân Định thời điểm 30/9/2023 gấp 11,21 lần vốn chủ sở hữu tuân thủ đúng quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN: "2. Quỹ tín dụng nhân

dân phải đảm bảo tổng mức nhận tiền gửi không được vượt quá 20 lần vốn chủ sở hữu”.

- Huy động vốn từ dân cư của QTDND Xuân Định đến 30/9/2023 đạt 104.846 triệu đồng, tăng 24.251 triệu đồng, tỷ lệ tăng 30,1% so với 31/12/2022; tăng 14.171 triệu đồng, tỷ lệ tăng 15,6% so với 31/12/2021, cơ cấu nguồn vốn huy động chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn 99,99%. Trong đó:

+ Về cơ cấu vốn huy động theo kỳ hạn: Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn trên 12 tháng chiếm 47,86% tổng nguồn vốn huy động; tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 12 tháng (ngắn hạn) chiếm 52,14% tổng nguồn vốn huy động.

+ Vốn huy động phân theo địa bàn:

✓ Trong địa bàn: 92.197 triệu đồng, chiếm 87,9% vốn huy động. Trong đó: Huy động từ thành viên đạt 69.144 triệu đồng, chiếm 65,9% vốn huy động.

✓ Ngoài địa bàn: 12.649 triệu đồng, chiếm 12,1% vốn huy động.

+ Vốn huy động phân theo đối tượng:

✓ Tiền gửi của TCKT: không phát sinh.

✓ Tiền gửi của cá nhân: 104.846 triệu đồng, chiếm 100% vốn huy động.

+ Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của QTDND Xuân Định, kết quả đối chiếu danh sách thành viên góp vốn và sao kê tiền gửi tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022, 30/9/2023 đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại khoản 19 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN “...*Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của QTDND có địa bàn hoạt động liên xã tối thiểu bằng 60% tổng mức nhận tiền gửi của QTDND....*”. Cụ thể, như sau:

✓ Thời điểm 31/12/2021: Huy động tiền gửi từ thành viên đạt 63.493 triệu đồng, chiếm 70% tổng số dư tiền gửi của QTDND Xuân Định;

✓ Thời điểm 31/12/2022: Huy động tiền gửi từ thành viên đạt 57.204 triệu đồng, chiếm 71%/tổng số dư tiền gửi của QTDND Xuân Định;

✓ Thời điểm 30/9/2023: Huy động tiền gửi từ thành viên đạt 69.144 triệu đồng, chiếm 65,9% tổng số dư tiền gửi của QTDND Xuân Định.

- **Về huy động vốn thị trường 2:** Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Xuân Định không phát sinh việc huy động vốn trên thị trường 2, không phát sinh việc vay vốn tại Ngân hàng Hợp tác xã.

Nhìn chung, trong thời kỳ thanh tra, nguồn vốn huy động của QTDND Xuân Định chủ yếu từ tiền gửi của dân cư, không phát sinh vay vốn từ Ngân hàng Hợp tác xã, điều này cho thấy QTDND Xuân Định hoạt động khá uy tín trên địa bàn, tạo niềm tin đối với thành viên nên QTDND Xuân Định luôn chủ động trong nguồn vốn huy động từ thành viên, đáp ứng được nhu cầu vay vốn của thành viên.

2.3. Việc chấp hành các quy định về huy động, lãi suất huy động

2.3.1. Thanh tra việc nhận tiền gửi của khách hàng:

Kết quả Thanh tra, kiểm tra chọn mẫu việc nhận tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của 30 sổ tiết kiệm, tổng số dư tiền gửi 30/9/2023 là 11.465 triệu đồng, chiếm 10,93%/tổng vốn huy động khách hàng. Cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng; lãi suất %/năm

STT	Tên khách hàng	Số sổ	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn	Số tiền	Lãi suất
1	Đặng Thị Kim Phượng	AB6129020	08/06/2023	08/06/2023	12	1.000	8,5
2	Phạm Quang Luật	AC0830074	19/05/2022	19/11/2023	18	785	8,0
3	Nguyễn Đình Khả	AB6129083	01/08/2023	01/05/2024	9	30	7,0
4	Phạm Thị Mìn	AC0830743	10/05/2023	10/05/2024	12	1.000	8,5
5	Nguyễn Thị Trung Thu	AC0830482	18/01/2023	18/01/2024	12	200	9,0
6	Lê Thị Hồng Tâm	AC0830684	09/05/2023	09/11/2023	6	900	7,5
7	Nguyễn Thị Nguyễn	AC0830649	30/03/2023	30/03/2024	12	50	9,0
8	Nguyễn Văn Thanh	AB6129096	15/08/2023	15/08/2024	12	700	6,5
9	Bùi Thị Mùi	AB6129116	03/08/2023	03/11/2023	3	100	4,5
10	Lê Thị Hương	AB6129115	03/08/2023	03/05/2024	9	30	7,0
11	Nguyễn Văn Rọ	AB6129121	17/08/2023	17/11/2023	3	70	4,3
12	Trần Thị Thanh Thúy	AB6129130	14/09/2023	14/12/2023	3	300	4,3
13	Đỗ Huy Phong	AB6129129	08/09/2023	08/11/2023	2	300	3,8
14	Bùi Văn Luyện	AB6129049	30/06/2023	31/07/2023	1	1.000	4,5
15	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	AB6129050	30/06/2023	31/12/2023	6	150	6,8
16	Phạm Công Phương	AC0830779	23/06/2023	23/03/2024	9	170	7,0
17	Đỗ Thị Ngắm	AC0830780	23/06/2023	23/06/2024	12	500	7,5
18	Đỗ Văn Tọa	AC0830734	17/04/2023	17/04/2024	12	1.000	8,5
19	Bùi Thị Thúy Phượng	AB6129227	18/09/2023	18/09/2024	12	950	6,2
20	Đỗ Thị Hồng Ngọc	AB6129238	27/09/2023	27/12/2023	3	200	4,3
21	Nguyễn Thị Ngân	AB6129240	28/09/2023	28/10/2023	1	100	3,7
22	Nguyễn Thị Kim Cúc	AC0830182	21/07/2022	21/01/2024	18	140	8,0
23	Nguyễn Thị Nguyễn	AC0830649	30/03/2023	30/03/2024	12	50	9,0
24	Nguyễn Thị Tín	AB6129047	27/06/2023	27/12/2023	6	100	6,8
25	Phạm Minh Chương	AC0830741	09/05/2023	09/5/25024	12	400	8,5
26	Đoàn Thị Xuân Đào	AC0830775	20/06/2023	20/12/2023	6	100	6,8
27	Trần Văn Tiến	AC0830494	06/02/2023	06/05/2023	3	290	6,5
28	Trần Ánh Nguyệt	AC0830799	10/07/2023	10/01/2024	6	400	6,6
29	Lê Thị Hồng Huệ	AC0830788	04/07/2023	04/01/2024	6	50	6,8
30	Phạm Thị Thu Hiền	AC0830466	22/12/2022	22/06/2023	6	400	9,5

QTDND Xuân Định đã áp dụng mức lãi suất ghi trên thẻ tiết kiệm kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 06 tháng trở lên đúng theo thỏa thuận. Các nội dung trên thẻ tiết kiệm về cơ bản đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tiền gửi tiết kiệm.

Tuy nhiên, có trường hợp khách hàng gửi tiền, chứng minh nhân dân đã hết thời hạn nhưng QTDND Xuân Định vẫn thực hiện giao dịch đối với khách hàng Nguyễn Thị Nguyễn, số sổ AC0830649 ngày gửi 30/03/2023 và khách hàng

Nguyễn Thị Tín, số sổ AB6129047 ngày gửi 27/6/2023 là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 và quy định về thời hạn hiệu lực của Giấy chứng minh nhân dân quy định tại Mục 4 Phần I Thông tư số 04/1999/TT-BCA/C13 của Bộ trưởng Bộ Công An ngày 24/4/1999 ban hành Thông tư hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 05/1999/ NĐ-CP ngày 03/2/1999 của Chính phủ về CMND quy định như sau: “4. *Số và thời hạn sử dụng của CMND...CMND có giá trị sử dụng 15 năm...*”. (Những người liên quan: Đặng Mỹ Ngọc Phương Thủy- Kế toán; Vũ Nguyễn Hoàng Thị Mai Trinh -Thủ quỹ; Phạm Hữu Phương-Trưởng phòng giao dịch Bảo Định).

2.3.2. Thanh tra việc tính lãi và chấp hành lãi suất vốn huy động

Kết quả thanh tra chọn mẫu kiểm tra việc tính lãi và trả lãi tiền gửi đối với các sổ tiết kiệm đến hạn; tất toán toàn bộ tiền gửi trước hạn; rút trước một phần một phần tiền gửi nhận thấy việc chi trả tiền gửi có đầy đủ các chứng từ theo quy định như phiếu chi tiền, sổ tiết kiệm, thẻ lưu sổ tiết kiệm, nhật ký quỹ, sổ quỹ tiền mặt, việc nhận và chi trả tiền gửi đều có bảng kê thu/chi tiền, lưu tại bộ phận kho quỹ. Cụ thể:

- **Về việc chi trả tiền gửi đến hạn:** Chọn mẫu kiểm tra 14 khách hàng đã tất toán đúng hạn số tiền gửi tiết kiệm, như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng; lãi suất %/năm

STT	Tên khách hàng	Số sổ	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (tháng)	Số tiền	Ngày tất toán	Lãi suất trên sổ	Lãi suất thực tế
1	Nguyễn Thị Hồng	AC0830444	11/11/2022	11/05/2023	6	100	11/05/2023	8	8
2	Nguyễn Thị Yến	AC0829366	22/02/2021	22/04/2022	14	100	22/04/2022	7	7
3	Bùi Văn Luyện	AC0830232	30/06/2022	30/12/2022	6	1.000	30/12/2022	5; 6,5	5; 6,5
4	Nguyễn Thị Kim Oanh	AC0830389	14/01/2023	14/02/2023	1	20,2	14/02/2023	5,5	5,5
5	Võ Thị Kiểm	AC0829945	17/02/2022	17/05/2022	3	100	17/05/2022	3,5	3,5
6	Nguyễn Chí Thanh	AC0830585	02/02/2023	02/08/2023	6	700	02/08/2023	9,5	9,5
7	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	AC0830590	09/02/2023	09/08/2023	6	67	09/08/2023	9,5	9,5
8	Trần Văn Ngôn	AC0829939	11/02/2022	11/08/2023	18	500	11/08/2023	6,5; 7,5	6,5; 7,5
9	Nguyễn Thị Kim Chi	AC0830006	28/03/2022	28/09/2022	6	400	28/09/2022	5	5
10	Phạm Thị Phơi	AC0830005	28/03/2022	28/09/2022	6	200	28/09/2022	5	5
11	Trần Thị Thúy Hồng	AC0830732	10/04/2023	10/05/2023	1	354,8	10/05/2023	5	5
12	Phạm Thị Mìn	AC0830443	10/11/2022	10/05/2023	6	1.000	10/05/2023	8	8
13	Nguyễn Thị Hồng	AC0830444	11/11/2022	11/05/2023	6	100	11/05/2023	8	8
14	Nguyễn Ngọc Tú Uyên	AC0830456	06/01/2023	06/02/2023	1	3.044	06/02/2023	5,5	5,5

Kết quả kiểm tra, QTDND Xuân Định áp dụng lãi suất theo mức lãi suất ghi trên sổ tiết kiệm đối với các sổ tiết kiệm có kỳ hạn đến hạn và thực hiện tính lãi theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng: “... *Số tiền lãi bằng tổng số dư thực tế nhân với số ngày duy trì số dư thực tế nhân với lãi*

suất và chia cho 365...” và chữ ký của khách hàng trên giấy phiếu chi tương đối giống chữ ký mẫu trên sổ tiết kiệm, thẻ lưu của khách hàng.

Tuy nhiên, còn một số tồn tại sau:

✓ Trên các thẻ lưu sổ tiết kiệm đều không có chữ ký của khách hàng tại cột “người nhận”; Sổ tiết kiệm AC0829366 của khách hàng Nguyễn Thị Yến, trên thẻ lưu và sổ tiết kiệm tại các kỳ nhận lãi của khách hàng chưa đầy đủ chữ ký của thủ quỹ, kế toán và khách hàng là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán “*Chứng từ kế toán Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:.....g. Chữ ký, họ và tên của người lập, người duyệt và những người liên quan đến chứng từ kế toán*” và điểm a khoản 1 Điều 8 “*Chứng từ kế toán ngân hàng phải có đủ chữ ký. Chữ ký trên chứng từ kế toán bằng giấy phải ký bằng bút mực. Không được ký bằng mực đỏ hoặc đóng dấu chữ ký khắc sẵn. Chữ ký trên chứng từ kế toán của một người phải thống nhất*”.

✓ Sổ tiết kiệm số AC0830477 của khách hàng Trần Thị Thúy Hồng, ngày gửi 10/01/2023 có kỳ hạn gửi 01 tháng, QTDND Xuân Định đã thực hiện kéo dài thời gian gửi tiền chưa kịp thời theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN. Cụ thể:

➤ Ngày 16/02/2023, Quỹ thực hiện kéo dài thời hạn gửi tiền cho kỳ hạn gửi từ 10/02/2023 đến 10/03/2023.

➤ Ngày 17/03/2023, Quỹ thực hiện kéo dài thời hạn gửi tiền cho kỳ hạn gửi từ 10/03/2023 đến 10/04/2023.

➤ Ngày 21/04/2023, Quỹ thực hiện kéo dài thời hạn gửi tiền cho kỳ hạn gửi từ 10/04/2023 đến 10/05/2023.

Những người liên quan: Khuong Thị Thanh Quyên, Trương Minh Hiếu- Giám đốc; Nguyễn Vũ Hồng Quế, Đặng Mỹ Ngọc Phương Thủy, Phạm Đức Dũng - Kế toán; Nguyễn Thị Bạch Mây, Vũ Nguyễn Hoàng Thị Mai Trinh -Thủ quỹ; Phạm Hữu Phước, Phạm Hữu Phương-Trưởng phòng giao dịch Bảo Định.

- Về việc chi trả đối với khách hàng tất toán toàn bộ tiền gửi trước hạn:
Chọn mẫu đối với 15 sổ tiết kiệm với tổng số tiền tất toán 5.771 triệu đồng, cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng; lãi suất %/năm

STT	Tên khách hàng	Số sổ	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (tháng)	Số tiền tất toán	Ngày tất toán	Lãi suất trên sổ	Lãi suất thực tế
1	Văn Thị Thanh	AB6129110	28/07/2023	28/01/2024	6	35	27/09/2023	6,6	0,2
2	Văn Thị Thanh	AC0830796	07/07/2023	07/01/2024	3	50	27/09/2023	6,6	0,2
3	Chu Thị Hồng	AB6129119	08/08/2023	08/11/2023	3	35	18/08/2023	4,5	0,2
4	Vũ Thị Thanh Hằng	AC0830195	11/08/2022	11/02/2023	6	60	07/09/2022	4,8	0,2
5	Lê Anh Thư	AC0830047	28/04/2022	28/05/2022	1	1.000	29/04/2022	3	0,2
6	Nguyễn Thị Ngọc Anh	AC0830002	28/03/2022	28/06/2022	3	550	25/04/2022	3,5	0,2
7	Phạm Thị Mai	AB6129025	09/06/2023	09/09/2023	3	650	17/07/2023	5,5	0,2

STT	Tên khách hàng	Số sổ	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (tháng)	Số tiền tất toán	Ngày tất toán	Lãi suất trên sổ	Lãi suất thực tế
	Loan								
8	Trần Quốc Cường	AC0830639	15/03/2023	15/03/2024	12	425	17/07/2023	9,5	0,2
9	Phạm Thị Hồng Diễm	AC0830519	13/12/2022	13/06/2023	6	150	10/04/2023	9,5	0,2
10	Trịnh Thanh Sơn	AC0830327	21/09/2022	21/11/2022	2	1.100	26/09/2022	2,8	0,2
11	Võ Thị Thiện	AC0829651	20/07/2022	20/07/2023	12	1.126	26/09/2022	6,2	0,2
12	Vũ Thị Kim Chi	AC0830484	30/01/2023	28/02/2023	1	10	06/02/2023	5,5	0,2
13	Nguyễn Thị Thúy Hằng	AC0830479	13/01/2023	13/04/2023	3	80	08/02/2023	6,5	0,2
14	Nguyễn Thị Bê	AC0830368	31/10/2022	30/04/2024	18	200	14/12/2022	8,5	0,2
15	Nguyễn Thị Tách	AC0830194	10/08/2022	10/02/2023	6	150	31/10/2022	4,8	0,5

QTDND Xuân Định áp dụng lãi suất không kỳ hạn đối với sổ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn rút trước hạn theo đúng quy định tại Điều 1 Thông tư số 04/2011/TT-NHNN ngày 10/3/2011 quy định áp dụng lãi suất trong trường hợp tổ chức, cá nhân rút tiền gửi trước hạn tại tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16/6/2022 quy định về áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại Tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài và nét chữ ký của các khách hàng có sổ tiết kiệm tất toán nêu trên trên giấy lĩnh tiền tương đối giống chữ ký mẫu trên sổ tiết kiệm và thẻ lưu sổ tiết kiệm của khách hàng.

Tuy nhiên, các sổ tiết kiệm chọn mẫu tất toán trước hạn đều không có chữ ký của khách hàng tại cột “người nhận” trên thẻ lưu sổ tiết kiệm là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 và điểm a khoản 1 Điều 8 Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN.

Những người liên quan: Khương Thị Thanh Quyên, Trương Minh Hiếu - Giám đốc; Nguyễn Vũ Hồng Quế, Đặng Mỹ Ngọc Phương Thuỳ, Phạm Đức Dũng - Kế toán; Nguyễn Thị Bạch Mây, Vũ Nguyễn Hoàng Thị Mai Trinh - Thủ quỹ; Phạm Hữu Phước, Phạm Hữu Phương - Trưởng phòng giao dịch Bảo Định.

- Về việc chi trả đối với khách hàng rút trước một phần một phần tiền gửi:
Thanh tra chọn mẫu kiểm tra đối với 12 sổ tiết kiệm rút trước một phần tiền gửi. Cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng; lãi suất %/năm

STT	Tên khách hàng	Số sổ	Ngày gửi	Ngày rút 1 phần gốc	Kỳ hạn (tháng)	Số tiền gửi	Số tiền gốc rút bớt	Lãi suất trên sổ	Lãi suất áp dụng rút một phần gốc
1	Nguyễn Tấn Lực	AC0830191	02/08/2022	26/09/2022	2	200	60	2,8	0,2
2	Nguyễn Thanh Tùng	AC0830586	02/02/2023	11/04/2023	3	400	100	6,5	0,2
3	Nguyễn Thị Ngân	AC0830520	14/12/2022	14/01/2023	1	1100	200	5,5	0,2
4	Đặng Thị Kim	AC0830511	08/01/2023	07/02/2023	1	300	50	5,5	0,2

STT	Tên khách hàng	Số sổ	Ngày gửi	Ngày rút 1 phần gốc	Kỳ hạn (tháng)	Số tiền gửi	Số tiền gốc rút bớt	Lãi suất trên sổ	Lãi suất áp dụng rút một phần gốc
	Phượng								
5	Lê Văn Bền	AC0830227	24/12/2022	10/02/2023	3	752,67	100	6,5	0,2
6	Nguyễn Vũ Như Quỳnh	AC0830483	18/01/2023	08/02/2023	3	50	30	6,5	0,2
7	Lê Tấn Châu	AC0830442	15/05/2023	16/05/2023	6	111,25	45	7,5	0,2
8	Nguyễn Thị Bê	AC0830369	31/10/2023	14/12/2022	6	30	10	7,1	0,2
9	Đoàn Thị Mộng Đào	AC0829598	19/04/2023	19/10/2023	6	103,54	3,54	7,5	0,2
		AC0830427	20/04/2023	20/10/2023	6	103,54	3,54	7,5	0,2
		AC0829812	15/05/2023	15/11/2023	6	207,93	7,93	7,5	0,2
10	Nguyễn Đức Hòa Thuận	AC0830768	16/06/2023	27/06/2023	1	350	200	4,5	0,2

Kết quả thanh tra, QTDND Xuân Định thực hiện chi trả lãi suất rút trước hạn một phần tiền gửi đúng theo khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16/6/2022 “a) Đối với phần tiền gửi rút trước hạn, tổ chức tín dụng áp dụng mức lãi suất tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất của tổ chức tín dụng đó theo đối tượng khách hàng và/hoặc theo loại đồng tiền đã gửi tại thời điểm khách hàng rút trước hạn tiền gửi; b) Đối với phần tiền gửi còn lại, tổ chức tín dụng áp dụng mức lãi suất đang áp dụng đối với khoản tiền gửi mà khách hàng rút trước hạn một phần.”. Nét chữ ký của các khách hàng có sổ tiết kiệm rút trước hạn một phần tiền gửi nêu trên trên giấy lĩnh tiền tương đối giống chữ ký mẫu trên sổ tiết kiệm và thẻ lưu của khách hàng.

Tuy nhiên, các sổ tiết kiệm chọn mẫu rút trước hạn một phần tiền gửi không đầy đủ chữ ký thủ quỹ (trên sổ tiết kiệm); trên thẻ lưu sổ tiết kiệm không có chữ ký của thủ quỹ và khách hàng là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và điểm a khoản 1 Điều 8 Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN.

Những người liên quan: *Khuong Thị Thanh Quyên, Trương Minh Hiếu-Giám đốc; Nguyễn Vũ Hồng Quế, Đặng Mỹ Ngọc Phương Thủy, Phạm Đức Dũng - Kế toán; Nguyễn Thị Bạch Mây, Vũ Nguyễn Hoàng Thị Mai Trinh -Thủ quỹ; Phạm Hữu Phước, Phạm Hữu Phương-Trưởng phòng giao dịch Bảo Định.*

- Việc áp dụng các chương trình khuyến mại, lãi suất ưu đãi và chi hoa hồng môi giới: Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Xuân Định không áp dụng các chương trình khuyến mại, lãi suất ưu đãi trong hoạt động huy động vốn, không thực hiện chi hoa hồng môi giới hoạt động huy động vốn đối với các sổ tiết kiệm có kỳ hạn dưới 6 tháng.

2.4. Về đăng ký mua và sử dụng sổ tiết kiệm trắng

Trong thời kỳ thanh tra từ 01/4/2022 đến 30/9/2023, QTDND Xuân Định đã sử dụng sổ tiết kiệm theo mẫu mới (đăng ký mua tại Ngân hàng Hợp tác xã Chi nhánh Đồng Nai) theo đúng quy định tại khoản 20 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN

ngày 14/11/2019 của NHNN Việt Nam và có phát sinh 01 nghiệp vụ đăng ký mua và nhập sổ tiết kiệm từ Ngân hàng Hợp tác xã Chi nhánh Đồng Nai. Cụ thể:

- Tại thời điểm đầu ngày 01/4/2022, theo báo cáo của QTDND Xuân Định, Quỹ đang tồn đầu kỳ 802 sổ tiết kiệm. Số seri từ AC0829891 đến AC0829900 và từ AC 0830009 đến AC 0830800.

- Ngày 09/11/2022, nhập 1000 sổ tiết kiệm có kỳ hạn, số seri từ AB6129001 đến AB6130000. QTDND Xuân Định đã lập biên bản bàn giao và tiến hành nhập vào kho tiền của QTDND Xuân Định để bảo quản theo đúng quy định. Việc xuất, nhập sổ tiết kiệm được theo dõi hàng ngày vừa trên phần mềm vừa cập nhật trên sổ theo dõi viết tay theo đúng quy định.

- Tại thời điểm cuối ngày 30/9/2023, theo báo cáo của QTDND Xuân Định, Quỹ tồn 824 sổ tiết kiệm. Số seri từ AB 6129135 đến AB 6129200 và từ AB 6129243 đến AB 6130000.

2.5. Kết quả đối chiếu, xác minh khách hàng tiền gửi

Kết quả thanh tra chọn mẫu kiểm tra đối chiếu, xác minh đối với 19 khách hàng (58 sổ tiết kiệm) với tổng số dư tiền gửi đến thời điểm 30/9/2023 là 23.051 triệu đồng, chiếm 21,99% tổng số dư tiền gửi của khách hàng tại QTDND Xuân Định. Cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên khách hàng	CMND/CCCD	Số sổ	Ngày gửi	Ngày đến hạn	Số dư tiền gửi
1	Đặng Thị Kim Phụng	075169005780	AC0830202	08/06/2022	08/12/2023	1.000
			AB6129004	30/05/2023	30/05/2024	1.000
			AB6129020	08/06/2023	08/06/2024	1.000
			AB6129042	22/06/2023	22/12/2023	500
			AB6129043	22/06/2023	22/12/2023	500
			AC0830215	15/06/2022	15/10/2023	500
2	Lê Thị Hồng Tâm	008171002596	AC0830684	09/05/2023	09/11/2023	900
			AB6129033	15/06/2023	15/06/2024	800
			AC0830671	21/04/2023	21/04/2024	700
3	Đỗ Thị Hồng Ngọc	045165006280	AC0830673	27/04/2023	27/10/2023	1.000
			AC0830694	22/08/2023	22/11/2023	500
			AB6129238	27/09/2023	27/12/2023	200
4	Bùi Thị Thúy Phụng	075154000571	AB6129227	18/09/2023	18/09/2024	950
			AC0830366	27/10/2022	27/04/2024	500
			AC0830068	16/05/2022	16/11/2023	150
			AC0830255	18/07/2022	18/01/2024	150
			AC0830302	24/08/2022	24/02/2024	130
			AC0830516	13/12/2022	13/04/2024	100
			AB6129052	03/07/2023	03/01/2025	100
			AC0830347	10/10/2022	10/04/2024	100
			AB6129070	18/07/2023	18/07/2024	50
			AC0830075	20/05/2022	20/11/2023	50
			AC0830348	10/10/2022	10/04/2024	50
			AC0830637	15/03/2023	15/09/2024	30

STT	Tên khách hàng	CMND/CCCD	Số sổ	Ngày gửi	Ngày đến hạn	Số dư tiền gửi
5	Nguyễn Văn Thanh	075059004428	AB6129096	15/08/2023	15/08/2024	700
6	Nguyễn Thị Ngân	075175013453	AB6129046	27/09/2023	27/10/2023	708
			AB6129092	07/09/2023	07/10/2023	702
			AB6129074	24/09/2023	24/10/2023	302
			AC0830640	16/09/2023	16/10/2023	152
			AB6129240	28/09/2023	28/10/2023	100
7	Nguyễn Đình Khả	075060005273	AC0830392	21/11/2022	21/05/2024	500
			AB6129083	01/08/2023	01/05/2024	60
8	Phạm Quang Luật	270827417	AC0830074	19/05/2022	19/11/2023	785
9	Đỗ Thị Ngắm	075166008056	AC0830780	23/06/2023	23/06/2024	500
			AC0830798	10/07/2023	10/01/2024	100
10	Đặng Thị Nháng	075163004574	AC0830533	29/06/2023	29/12/2023	500
11	Phạm Thị Mịn	075173007472	AC0830743	10/05/2023	10/05/2024	1.000
			AB6129103	13/07/2023	13/01/2024	500
12	Bùi Thị Thanh Nguyệt	075169006070	AB6129037	16/06/2023	16/12/2023	600
		075169006070	AC0830258	18/07/2022	18/01/2024	100
13	Đỗ Văn Tọa	033054008920	AC0830734	17/04/2023	17/04/2024	1.000
14	Văn Thị Thanh	079158018794	AC0830448	23/05/2023	23/11/2023	291
			AC0830729	31/03/2023	30/09/2023	220
			AC0830763	12/06/2023	12/12/2023	180
			AC0830752	01/06/2023	01/12/2023	120
			AC0830795	07/07/2023	07/01/2024	70
15	Đoàn Thị Mộng Đào	091173008915	AC0829812	15/05/2023	15/11/2023	200
			AC0829598	19/04/2023	19/10/2023	100
			AC0830427	20/04/2023	20/10/2023	100
			AB6129126	05/09/2023	05/03/2024	100
			AC0830775	20/06/2023	20/12/2023	100
16	Nguyễn Thị Phụng	079159019254	AC0830753	05/06/2023	05/12/2023	500
17	Trần Ánh Nguyệt	048169007863	AC0830799	10/07/2023	10/01/2024	400
18	Phạm Thị Thu Hiền	052178017122	AC0830466	22/06/2023	22/12/2023	400
			AC0830726	17/09/2023	17/03/2024	200
19	Lê Thị Hồng Huệ	075176010685	AC0830499	09/08/2023	09/02/2024	550
			AC0830765	12/06/2023	12/12/2023	200
			AC0830788	04/07/2023	04/01/2024	50
Tổng cộng			58 Sổ			23.051

Kết quả đối chiếu, xác minh trực tiếp 19/19 khách hàng xác nhận có gửi tiền tiết kiệm tại QTDND Xuân Định bằng tiền mặt. Các thông tin tiền gửi lưu trên hệ thống kế toán của QTDND Xuân Định trùng khớp thông tin tiền gửi của khách hàng trên sổ tiết kiệm.

3. Thanh tra hoạt động cho vay

3.1. Thực trạng hoạt động cho vay

Thực trạng dư nợ cho vay của QTDND Xuân Định tại một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021 (1)	31/12/2022 (2)	30/9/2023 (3)	So sánh			
					(3) so với (1)		(3) so với (2)	
					Số tiền	+/- (%)	Số tiền	+/- (%)
1	Cho vay khách hàng TCKT, cá nhân	69.271	73.008	66.290	-2.981	-4,30	-6.718	-9,20
1.1	Phân theo thành viên	69.271	73.008	66.290	-2.981	-4,30	-6.718	-9,20
	- Cho vay thành viên	68.468	72.646	66.195	-2.273	-3,32	-6.451	-8,88
	- Cho vay ngoài thành viên	803	362	95	-708	-88,17	-267	-73,77
1.2	Phân theo nhóm nợ	69.271	73.008	66.290	-2.981	-4,30	-6.718	-9,20
	- Nợ đủ tiêu chuẩn	69.271	72.487	65.854	-3.417	-4,93	-6.633	-9,15
	- Nợ cần chú ý		321				-321	-100
	- Nợ dưới tiêu chuẩn		200				-200	-100
	- Nợ nghi ngờ			251	251		251	100
	- Nợ có khả năng mất vốn			185	185		185	100
1.3	Phân loại nợ theo thời gian	69.271	73.008	66.290	-2.981	-4,30	-6.718	-9,20
	- Nợ ngắn hạn	37.810	45.174	43.637	5.827	15,41	-1.536	-3,40
	- Cho vay trung, dài hạn	31.461	27.834	22.653	-8.808	-28,0	-5.182	-18,62
1.4.	Phân loại theo mục đích vay	69.271	73.008	66.290	-2.981	-4,30	-6.718	-9,20
	- Đầu tư bất động sản	11.537	5.543	7.758	-3.779	-32,76	2.215	39,96
	- Sản xuất nông nghiệp	23.770	32.625	25.403	1.633	6,87	-7.222	-22,14
	- Kinh doanh dịch vụ	27.786	25.381	23.001	-4.785	-17,22	-2.380	-9,38
	- Tiêu dùng	6.178	9.460	10.128	3.950	63,93	668	7,07
1.5	Cơ cấu theo tài sản đảm bảo	69.271	73.008	66.290	-2.981	-4,30	-6.718	-9,20
	- Tài sản đảm bảo	52.284	55.436	49.004	-3.280	-6,27	-6.432	-11,60
	- Không tài sản đảm bảo	14.310	15.429	14.646	336	2,35	-783	-5,07
	- Số tiền gửi đơn vị phát hành	2.677	2.143	2.640	-37	-1,38	497	23,19

Nguồn số liệu từ báo cáo của QTDND Xuân Định

Nhìn chung trong thời kỳ thanh tra, hoạt động cho vay của QTDND Xuân Định đang có dấu hiệu giảm dần nhưng không có sự biến động lớn, nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, suy thoái kinh tế toàn cầu, chính sách tiền tệ thắt chặt hơn để kiểm chế lạm phát của nhà nước; tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát tốt ở mức thấp dưới 1% tổng dư nợ cho vay; cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành nghề phù hợp với đặc thù kinh tế tại địa phương, luôn đảm bảo tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn; tỷ lệ cấp tín dụng có tài sản đảm bảo chiếm tỷ lệ cao trên tổng dư nợ cho vay.

3.2. Thanh tra việc chấp hành quy chế cho vay

- **Kết quả thanh tra:** Chọn mẫu kiểm tra hồ sơ 78 khách hàng vay vốn, dư nợ tại thời điểm 30/9/2023 là 40.365 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 60,89% tổng dư nợ cho vay của QTDND Xuân Định.

- **Vi phạm phát hiện qua thanh tra:** Tổng số hồ sơ có liên quan đến tồn tại, sai phạm gồm có 55 khách hàng với tổng dư nợ sai phạm là 29.413 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 72,87% dư nợ cho vay được kiểm tra (*Đính kèm Biểu tổng hợp sai phạm-Phụ lục 4.1*). Trong đó, sai phạm về:

3.2.1. Về công tác thẩm định

QTDND Xuân Định thẩm định và xét duyệt cho vay khi chưa thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh nguồn trả nợ để đánh giá đầy đủ thực trạng tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng; Báo cáo thẩm định chưa đánh giá, phân tích đầy đủ hiệu quả của phương án vay vốn, tình hình tài chính, khả năng trả nợ và các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động của khách hàng, đối với 44 khách hàng (52 khoản vay) với tổng dư nợ có liên quan 24.778 triệu đồng là chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Gồm các khách hàng sau:

(1) Nguyễn Thị Thảo Ly, dư nợ 500 triệu đồng; (2) Ngô Thị Thanh Ngọc, dư nợ 400 triệu đồng; (3) Hà Thị Hà, dư nợ 267 triệu đồng; (4) Nguyễn Thị Thanh Hương, dư nợ 292 triệu đồng; (5) Tống Thị Thùy Trang, dư nợ 367 triệu đồng; (6) Trần Thị Phương, dư nợ 400 triệu đồng; (7) Trương Thị Hán, dư nợ 300 triệu đồng; (8) Lê Thị Thu, dư nợ 250 triệu đồng; (9) Nguyễn Văn Khánh, dư nợ 1.100 triệu đồng; (10) Trần Ánh Thủy, dư nợ 300 triệu đồng; (11) Lê Thị Lan, dư nợ 280 triệu đồng; (12) Phạm Thị Mai Thảo, dư nợ 200 triệu đồng; (13) Nguyễn Thanh Song, dư nợ 600 triệu đồng; (14) Nguyễn Thị Thu Lan, dư nợ 200 triệu đồng; (15) Lê Thị Thanh Hoa, dư nợ 475 triệu đồng; (16) Mộc Tư Võ, dư nợ 200 triệu đồng; (17) Trần Thị Hằng, dư nợ 300 triệu đồng; (18) Hoàng Tuấn Thuận, dư nợ 300 triệu đồng; (19) Phạm Quốc Cường, dư nợ 310 triệu đồng; (20) Phan Danh Tuấn, dư nợ 350 triệu đồng; (21) Trương Thị Kim Phượng, dư nợ 1.200 triệu đồng; (22) Phan Hữu Hiếu, dư nợ 270 triệu đồng; (23) Ngô Quốc Tú, dư nợ 1000 triệu đồng; (24) Nguyễn Thị Thanh Uyên, dư nợ 1.300 triệu đồng; (25) Nguyễn Văn Bích, dư nợ 1.200 triệu đồng; (26) Nguyễn Thị Ngọc Minh, dư nợ 583 triệu đồng; (27) Võ Thị Đẹp, dư nợ 800 triệu đồng; (28) Nguyễn Hoài An, dư nợ 1.187 triệu đồng; (29) Bò Thị Tuyết Nhung, dư nợ 500 triệu đồng; (30) Lê Thị Mỹ Hạnh, dư nợ 368 triệu đồng; (31) Huỳnh Trung Ninh, dư nợ 400 triệu đồng; (32) Nguyễn Thị Thanh Hảo, dư nợ 500 triệu đồng; (33) Đinh Hoàng Khương, dư nợ 580 triệu đồng; (34) Nguyễn Văn Cảnh, dư nợ 650 triệu đồng; (35) Đặng Ngọc Minh Thu, dư nợ 760 triệu đồng; (36) Đặng Thị Kim Phượng, dư nợ 1.700 triệu đồng; (37) Lâm Văn Dục, dư nợ 1.000 triệu đồng; (38) Ngô Đình Tân, dư nợ 1.200 triệu đồng; (39) Trần Hải Ngẫu, dư nợ

662 triệu đồng; (40) Lê Thị Nguyệt, dư nợ 200 triệu đồng; (41) Lâm Thanh Phương, dư nợ 1.000 triệu đồng; (42) Bùi Trần Khải Hưng, dư nợ 202 triệu đồng; (43) Ngô Ngọc Tuấn, dư nợ 243 triệu đồng; (44) Phạm Hải, dư nợ 350 triệu đồng.

3.2.2. Về hồ sơ vay vốn

QTDND Xuân Định thực hiện cho vay nhưng chưa thu thập đầy đủ hồ sơ vay vốn như: hồ sơ, tài liệu về thể hiện quy mô, doanh thu và hiệu quả từ hoạt động kinh doanh; hồ sơ, tài liệu chứng minh nguồn trả nợ của khách hàng, đối với 11 khách hàng với tổng dư nợ có liên quan 4.254 triệu đồng là chưa đúng quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Gồm các khách hàng sau:

(1) Nguyễn Thị Thảo Ly, dư nợ 500 triệu đồng; (2) Nguyễn Thị Thanh Hương, dư nợ 292 triệu đồng; (3) Phạm Thị Lệ Thu, dư nợ 200 triệu đồng; (4) Võ Văn Hùng, dư nợ 200 triệu đồng; (5) Lâm Thanh Phương, dư nợ 1000 triệu đồng; (6) Bùi Trần Khải Hưng, dư nợ 202 triệu đồng; (7) Phạm Đức Tiến, dư nợ 300 triệu đồng; (8) Nguyễn Tường Vi, dư nợ 500 triệu đồng; (9) Phạm Hải, dư nợ 350 triệu đồng; (10) Vũ Quốc Khanh, dư nợ 250 triệu đồng; (11) Đặng Thị Ngọc Tâm, dư nợ 460 triệu đồng.

3.2.3. Về kiểm tra, giám sát vốn vay

QTDND Xuân Định thực hiện kiểm tra giám sát vốn vay của khách hàng nhưng chưa thu thập đầy đủ chứng từ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay; Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay chưa đánh giá đầy đủ về nguồn thu nhập, chi phí và khả năng trả nợ của khách hàng, đối với 41 khách hàng (50 khoản vay) với tổng dư nợ có liên quan 23.268 triệu đồng là chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Gồm các khách hàng sau:

(1) Nguyễn Thị Thảo Ly, dư nợ 500 triệu đồng; (2) Ngô Thị Thanh Ngọc, dư nợ 400 triệu đồng; (3) Hà Thị Hà, dư nợ 267 triệu đồng; (4) Nguyễn Thị Thanh Hương, dư nợ 292 triệu đồng; (5) Trương Thị Hán, dư nợ 300 triệu đồng; (6) Lê Thị Thu, dư nợ 250 triệu đồng; (7) Nguyễn Văn Khánh, dư nợ 1.100 triệu đồng; (8) Trần Ánh Thủy, dư nợ 300 triệu đồng; (9) Phạm Thị Mai Thảo, dư nợ 200 triệu đồng; (10) Nguyễn Thị Thu Lan, dư nợ 200 triệu đồng; (11) Lê Thị Thanh Hoa, dư nợ 475 triệu đồng; (12) Mộc Tư Võ, dư nợ 200 triệu đồng; (13) Trần Thị Hằng, dư nợ 300 triệu đồng; (14) Hoàng Tuấn Thuận, dư nợ 300 triệu đồng; (15) Phạm Quốc Cường, dư nợ 310 triệu đồng; (16) Trương Thị Kim Phượng, dư nợ 1.100 triệu đồng; (17) Phan Hữu Hiếu, dư nợ 270 triệu đồng; (18) Ngô Quốc Tú, dư nợ 1.000 triệu đồng; (19) Nguyễn Thị Thanh Uyên, dư nợ 1.300 triệu đồng; (20) Nguyễn Văn Bích, dư nợ 1.200 triệu đồng; (21) Mai Văn Dứt, dư nợ 450 triệu đồng; (22) Nguyễn Thị Ngọc Minh, dư nợ 583 triệu đồng; (23) Võ Thị Đẹp, dư nợ 800 triệu đồng; (24) Nguyễn Hoài An, dư nợ 1.187 triệu đồng; (25) Đoàn Phi Long, dư nợ

650 triệu đồng; (26) Bô Thị Tuyết Nhung, dư nợ 500 triệu đồng; (27) Lê Thị Mỹ Hạnh, dư nợ 368 triệu đồng; (28) Huỳnh Trung Ninh, dư nợ 400 triệu đồng; (29) Nguyễn Thị Thanh Hảo, dư nợ 500 triệu đồng; (30) Đinh Hoàng Khương, dư nợ 580 triệu đồng; (31) Nguyễn Văn Cảnh, dư nợ 650 triệu đồng; (32) Đặng Ngọc Minh Thu, dư nợ 760 triệu đồng; (33) Lâm Văn Dực, dư nợ 1.000 triệu đồng; (34) Ngô Đình Tân, dư nợ 1.200 triệu đồng; (35) Võ Văn Hùng, dư nợ 200 triệu đồng; (36) Trần Thị Bé Tư, dư nợ 1.200 triệu đồng; (37) Lâm Thanh Phương, dư nợ 1.000 triệu đồng; (38) Bùi Trần Khải Hưng, dư nợ 202 triệu đồng; (39) Phạm Hải, dư nợ 350 triệu đồng; (40) Bùi Đức Thánh, dư nợ 239 triệu đồng; (41) Nguyễn Thị Nhật, dư nợ 185 triệu đồng.

Trách nhiệm những người có liên quan đến sai phạm về cho vay: Đã được nêu cụ thể, chi tiết từng khoản vay tại Phụ lục 4.1-Biểu tổng hợp sai phạm.

3.2.4. Khuyến nghị:

Tài sản đảm bảo của các khoản vay đa số là đất trồng cây lâu năm và đất ở nông thôn, QTDND Xuân Định định giá theo giá thị trường nhưng chưa thu thập đầy đủ dữ liệu làm cơ sở định giá như thông tin giao dịch mua bán bất động sản, giá đất tham khảo trên các trang website mua bán có uy tín...để đánh giá đúng giá trị của tài sản đảm bảo. Việc định giá chưa đầy đủ sẽ dẫn đến không xác định chính xác giá trị tài sản đảm bảo, dễ dẫn đến rủi ro trong việc thực hiện xử lý tài sản khi khách hàng không trả được nợ, cụ thể: Khách hàng Nguyễn Thị Thảo Ly, dư nợ 500 triệu đồng; Hà Thị Hà, dư nợ 267 triệu đồng; Nguyễn Thị Thanh Hương, dư nợ 292 triệu đồng; Hoàng Tuấn Thuận, dư nợ 300 triệu đồng; Trương Thị Kim Phượng, dư nợ 1.100 triệu đồng; Phan Hữu Hiếu, dư nợ 270 triệu đồng; Ngô Quốc Tú, dư nợ 1.100 triệu đồng; Nguyễn Thị Thanh Uyên, dư nợ 1.300 triệu đồng; Nguyễn Văn Bích, dư nợ 1.200 triệu đồng.

3.2.5. Kết quả xác minh, đối chiếu trực tiếp khách hàng vay vốn

Đoàn Thanh tra chọn mẫu xác minh, đối chiếu trực tiếp khách hàng vay vốn tại QTDND Xuân Định đối với 53 khách hàng với tổng dư nợ tại thời điểm 30/9/2023 là 29.148 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 72,21% tổng dư nợ cho vay mà Đoàn thanh tra đã lựa chọn các khách hàng để kiểm tra. Kết quả xác minh, đối chiếu 53/53 khách hàng đã xác nhận có vay vốn theo hợp đồng đã ký kết với QTDND Xuân Định, sử dụng đúng mục đích theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng (HĐTD). Gồm các khách hàng sau:

(1) Bô Thị Tuyết Nhung, HĐTD số 1-0010932, dư nợ 500 triệu đồng; (2) Bùi Đức Thánh, HĐTD số 1-0011486, dư nợ 120 triệu đồng & HĐTD số 1-0011486, dư nợ 119 triệu đồng; (3) Dương Thị Hồng, HĐTD số 1-0011608, dư nợ 300 triệu đồng; (4) Hà Thị Hà, HĐTD số 1-0011665, dư nợ 267 triệu đồng; (5) Hoàng Tuấn Thuận, HĐTD số 1-0011723, dư nợ 300 triệu đồng; (6) Lâm Thanh Phương, HĐTD số 1-0011451, dư nợ 1.000 triệu đồng; (7) Lâm Văn Dực, HĐTD số 1-0011706, dư nợ 1.000 triệu đồng; (8) Lê Đình Sơn, HĐTD số 1-0011720, dư nợ 300 triệu đồng; (9) Nguyễn Ngọc Diễm, HĐTD số 1-0011361, dư nợ 1.200 triệu đồng; (10) Lê Thị Thanh Hoa, HĐTD số 1-0011622, dư nợ 324,81 triệu đồng & HĐTD số 1-0011748 dư nợ 150 triệu đồng; (11) Lê

Thị Thu, HETD số 1-0011735, dư nợ 250 triệu đồng; (12) Mai Văn Duyệt, HETD số 1-0011741, dư nợ 450 triệu đồng; (13) Đặng Ngọc Minh Thu, HETD số 1-0011307, dư nợ 760 triệu đồng; (14) Đặng Thị Ngọc Tâm, HETD số 1-0011261, dư nợ 460 triệu đồng; (15) Đoàn Phi Long, HETD số 1-0011300, dư nợ 650 triệu đồng; (16) Ngô Ngọc Tuấn, HETD số 1-0011442, dư nợ 243 triệu đồng; (17) Ngô Quốc Tú, HETD số 1-0011386, dư nợ 1.000 triệu đồng; (18) Ngô Thị Thanh Ngọc, HETD số 1-0011576, dư nợ 400 triệu đồng; (19) Nguyễn Anh Dũng, HETD số 1-0011649, dư nợ 200 triệu đồng; (20) Trần Thị Thu, HETD số 1-0011575, dư nợ 185 triệu đồng; (21) Nguyễn Quốc Thanh, HETD số 1-0011670, dư nợ 285 triệu đồng; (22) Nguyễn Tấn Lực, HETD số 1-0011718, dư nợ 200 triệu đồng; (23) Nguyễn Tường Vi, HETD số 1-0011669, dư nợ 500 triệu đồng; (24) Nguyễn Thanh Song, HETD số 1-0011425, dư nợ 600 triệu đồng; (25) Nguyễn Thị Ngọc Minh, HETD số 1-0011412, dư nợ 583 triệu đồng; (26) Nguyễn Thị Như Hà, HETD số 1-0011441, dư nợ 1.000 triệu đồng; (27) Nguyễn Thị Thanh Uyên, HETD số 1-0011734, dư nợ 1.300 triệu đồng; (28) Nguyễn Thị Vân Anh, HETD số 1-0011648, dư nợ 1.000 triệu đồng; (29) Nguyễn Văn Ba, HETD số 1-0011699, dư nợ 200 triệu đồng; (30) Nguyễn Văn Bích, HETD số 1-0011012, dư nợ 300 triệu đồng; HETD số 1-0011216, dư nợ 900 triệu đồng; (31) Nguyễn Văn Cảnh, HETD số 2-0001980, dư nợ 650 triệu đồng; (32) Nguyễn Văn Khánh, HETD số 1-0011609, dư nợ 700 triệu đồng & HETD số 1-0010973, dư nợ 400 triệu đồng; (33) Phạm Đức Hạnh, HETD số 1-0011707, dư nợ 400 triệu đồng; (34) Phạm Đức Tiến, HETD số 1-0011580, dư nợ 300 triệu đồng; (35) Phạm Quốc Cường, HETD số 1-0011365, dư nợ 60 triệu đồng & HETD số 1-0011143, dư nợ 250 triệu đồng; (36) Phạm Thế Chu, HETD số 1-0011657, dư nợ 300 triệu đồng; (37) Phạm Thị Lệ Thu, HETD số 1-0011698, dư nợ 200 triệu đồng; (38) Phạm Thị Mai Thảo, HETD số 1-0011443, dư nợ 200 triệu đồng; (39) Phan Danh Tuấn, HETD số 1-0011658, dư nợ 350 triệu đồng; (40) Phan Hữu Hiếu, HETD số 1-0011517, dư nợ 200 triệu đồng & HETD số 1-0011595, dư nợ 70 triệu đồng; (41) Trần Ánh Thủy, HETD số 1-0011305, dư nợ 300 triệu đồng; (42) Trần Hải Ngẫu, HETD số 1-0011710, dư nợ 662 triệu đồng; (43) Trần Thanh Dũng, HETD số 1-0011233, dư nợ 359 triệu đồng & HETD số 1-0010613, dư nợ 750 triệu đồng; (44) Trần Thị Bé Tư, HETD số 1-0011701, dư nợ 400 triệu đồng & HETD số 1-0011701, dư nợ 800 triệu đồng; (45) Trần Thị Phương, HETD số 1-0011553, dư nợ 400 triệu đồng; (46) Trần Văn Công, HETD số 1-0011742, dư nợ 200 triệu đồng; (47) Trương Thị Hán, HETD số 1-0011285, dư nợ 300 triệu đồng; (48) Trương Thị Kim Phụng, HETD số 1-0011306, dư nợ 800 triệu đồng & HETD số 1-0011544, dư nợ 300 triệu đồng; (49) Võ Thị Đẹp, HETD số 1-0011596, dư nợ 800 triệu đồng; (50) Võ Văn Hùng, HETD số 1-0011463, dư nợ 200 triệu đồng; (51) Võ Văn Thành, HETD số 1-0011478, dư nợ 1200 triệu đồng; (52) Vũ Quốc Khanh, HETD số 1-0011599, dư nợ 250 triệu đồng; (53) Trần Thị Huệ, HETD số 1-0011694, dư nợ 300 triệu đồng.



3.3. Thanh tra việc thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro

3.3.1. Quy định, chính sách nội bộ

QTDND Xuân Định đã ban hành các quy trình nội bộ về hoạt động cho vay, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng, gồm: Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 22/08/2019 của Chủ tịch HĐQT về quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động; Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 24/03/2020 của Chủ tịch HĐQT về việc ban hành quy chế cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19; Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT ngày 21/09/2021 của Chủ tịch HĐQT về việc sửa đổi bổ sung Quy chế Cơ cấu lại thời hạn trả nợ ảnh hưởng do dịch Covid-19. Về cơ bản các quy trình, quy định nội bộ của QTDND Xuân Định phù hợp với quy định tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về ban hành quy định phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định pháp luật có liên quan.

3.3.2. Thực trạng phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro

QTDND Xuân Định thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro định kỳ hàng quý. Theo báo cáo, tình hình phân loại nợ tại thời điểm 30/9/2023 và trích lập dự phòng rủi ro tại một số thời điểm, như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2022			Thời điểm 31/03/2023			Thời điểm 30/06/2023			Thời điểm 30/09/2023		
	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
1. Tổng dư nợ nội bảng	74.776			73.703			71.288			66.290		
2. Phân loại nợ	74.776			73.703			71.288			66.290		
- Nhóm 1	74.282	557		73.216	549		70.826	531		65.854	494	
- Nhóm 2				291	2	0						
- Nhóm 3	495	4	0				271	2	0			
- Nhóm 4				195	1	0				251	2	0
- Nhóm 5	0						190	0	0	185	0	0
3. Tỷ lệ nợ xấu	0,66%			0,26%			0,65%			0,66%		
4. Dự phòng rủi ro tín dụng												
- Dự phòng chung		561			552			533			496	
- Dự phòng cụ thể						0			0			0
5. Nợ đã xử lý rủi ro hạch toán ngoại bảng		101			101			101			101	
6. Kết quả thu nợ đã XLRR trong kỳ		0			0			0			0	

Kết quả Thanh tra kiểm tra chọn mẫu hồ sơ 78 khách hàng vay vốn dư nợ đến thời điểm 30/9/2023, QTDND Xuân Định đã thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng cụ thể đến Quý 3/2023 theo đúng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 và trích lập dự phòng chung đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

3.3.3. Sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro tín dụng

Trong thời kỳ thanh tra từ ngày 01/04/2022 đến 30/9/2023, QTDND Xuân Định không sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro tín dụng đối với khách hàng. Tổng số dư nợ gốc xử lý rủi ro đang hạch toán trên tài khoản ngoại bảng 9711 “Nợ gốc bị tổn thất đang trong thời gian theo dõi” đến 30/9/2023 là 101 triệu đồng.

PHẦN III

NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Xuân Định đã đạt được kết quả tương đối tốt trong các mặt hoạt động: Bộ máy quản trị, điều hành, kiểm soát nội bộ được đảm bảo theo quy định; hoạt động của Hội đồng quản trị được duy trì thường xuyên; đã có nhiều cố gắng trong công tác huy động vốn và cho vay phục vụ nhu cầu vốn của thành viên, góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương; tỷ lệ cấp tín dụng có tài sản đảm bảo chiếm tỷ lệ cao trên tổng dư nợ cho vay; nợ xấu được kiểm soát dưới 1% tổng dư nợ cho vay. Bên cạnh những mặt đạt được, QTDND Xuân Định còn một số tồn tại, hạn chế cần chấn chỉnh, khắc phục kịp thời trong thời gian tới để bảo đảm tuân thủ các quy định trong hoạt động. Cụ thể:

1. Về công tác huy động vốn

- Trên các thẻ lưu sổ tiết kiệm và sổ tiết kiệm chưa có đầy đủ chữ ký của thủ quỹ, kế toán và khách hàng là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán.

- Khách hàng gửi tiền có chứng minh nhân dân đã hết thời hạn nhưng QTDND Xuân Định vẫn thực hiện giao dịch đối với khách hàng Nguyễn Thị Nguyễn, số sổ AC0830649 ngày gửi 30/03/2023 và khách hàng Nguyễn Thị Tín, số sổ AB6129047 ngày gửi 27/6/2023 là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN và quy định về thời hạn hiệu lực của Giấy chứng minh nhân dân quy định tại Mục 4 Phần I Thông tư số 04/1999/TT-BCA/C13 của Bộ trưởng Bộ Công An ngày 24/4/1999 ban hành Thông tư hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/2/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân.



- QTDND Xuân Định thực hiện kéo dài thời gian gửi tiền đối với khách hàng gửi tiền chưa kịp thời theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về tiền gửi tiết kiệm.

Những người liên quan: Đặng Mỹ Ngọc Phương Thuỳ-Kế toán; Vũ Nguyễn Hoàng Thị Mai Trinh -Thủ quỹ; Phạm Hữu Phương-Trưởng phòng giao dịch Bảo Định.

2. Về hoạt động cho vay

- **Về thẩm định và xét duyệt cho vay:** QTDND Xuân Định thẩm định và xét duyệt cho vay khi chưa thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh nguồn trả nợ để đánh giá đầy đủ thực trạng tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng; Báo cáo thẩm định chưa đánh giá, phân tích đầy đủ hiệu quả của phương án vay vốn, tình hình tài chính, khả năng trả nợ và các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động của khách hàng, đối với 44 khách hàng (52 khoản vay) với tổng dư nợ có liên quan 24.778 triệu đồng là chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- **Về hồ sơ vay vốn:** QTDND Xuân Định thực hiện cho vay nhưng chưa thu thập đầy đủ hồ sơ vay vốn như: hồ sơ, tài liệu về thể hiện quy mô, doanh thu và hiệu quả từ hoạt động kinh doanh; hồ sơ, tài liệu chứng minh nguồn trả nợ của khách hàng, đối với 11 khách hàng với tổng dư nợ có liên quan 4.254 triệu đồng là chưa đúng quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- **Về công tác kiểm tra, giám sát vốn vay:** QTDND Xuân Định thực hiện kiểm tra giám sát vốn vay của khách hàng nhưng chưa thu thập đầy đủ chứng từ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay; Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay chưa đánh giá đầy đủ về nguồn thu nhập, chi phí và khả năng trả nợ của khách hàng, đối với 41 khách hàng (50 khoản vay) với tổng dư nợ có liên quan 23.268 triệu đồng là chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- **Khuyến nghị:** Tài sản đảm bảo của các khoản vay đa số là đất trồng cây lâu năm và đất ở nông thôn, QTDND Xuân Định định giá theo giá thị trường nhưng chưa thu thập đầy đủ dữ liệu làm cơ sở định giá như thông tin giao dịch mua bán bất động sản, giá đất tham khảo trên các trang website mua bán có uy tín...để đánh giá đúng giá trị của tài sản đảm bảo. Việc định giá chưa đầy đủ sẽ dẫn đến không xác định chính xác giá trị tài sản đảm bảo, dễ dẫn đến rủi ro trong việc thực hiện xử lý tài sản khi khách hàng không trả được nợ.

Trách nhiệm những người có liên quan đến sai phạm về cho vay (Chi tiết tại Phụ lục 4.1-Biểu tổng hợp sai phạm).

PHẦN IV

KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ kết quả thanh tra và kết luận nêu trên, Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai yêu cầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS, Giám đốc QTDND Xuân Định tổ chức, hoạt động đúng quy định của pháp luật và rà soát toàn bộ những tồn tại, thiếu sót để khắc phục kịp thời, đồng thời thực hiện một số nội dung, cụ thể sau:

1. Chấn chỉnh công tác thẩm định cho vay, có biện pháp nâng cao kỹ năng thẩm định hồ sơ vay vốn, thẩm định cụ thể kế hoạch vay vốn, hiệu quả của phương án vay vốn, tình hình tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng, định kỳ hạn trả nợ phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh và thu nhập của khách hàng; Đối với các trường hợp thẩm định, xét duyệt cho vay chưa chặt chẽ: Yêu cầu QTDND Xuân Định thực hiện thẩm định, đánh giá lại hoạt động kinh doanh và hiệu quả của các phương án vay vốn mà QTDND tài trợ cho khách hàng như đã nêu tại Phần-II Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời hạn thực hiện: 02 tháng, kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

2. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác kiểm tra, giám sát vốn vay. Thực hiện kiểm tra sau cho vay đúng theo quy định và thu thập, bổ sung chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay đối với khách hàng (trừ các khách hàng chuyển sang nợ xấu và khách hàng đã tất toán khoản vay) như đã nêu tại Phần-II Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời hạn thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra. Quá thời hạn trên, khách hàng không bổ sung đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn yêu cầu QTDND Xuân Định tiến hành thu hồi nợ trước hạn.

3. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác thu thập hồ sơ vay vốn nhằm đảm bảo nắm bắt đầy đủ thông tin khách hàng trước khi thẩm định phê duyệt cho vay, đối với khách hàng đã nêu tại Phần-II Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời hạn thực hiện: 02 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

4. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong hoạt động nhận tiền gửi như đã nêu tại Phần-II Kết quả kiểm tra, xác minh. Yêu cầu QTDND Xuân Định khi nhận tiền gửi của khách hàng các chứng từ kế toán tiền gửi là thẻ lưu sổ tiết kiệm và sổ tiết kiệm phải có đầy đủ chữ ký của khách hàng/thủ quỹ/kế toán theo quy định tại khoản khoản 1 Điều 5 Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN và các Sổ tiền gửi khi thực hiện việc kéo dài thời gian gửi tiền cho khách hàng phải kịp thời theo quy định tại Điều 15 Thông tư 48/2018/TT-NHNN. Thời hạn thực hiện: 01 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

5. Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm và quy trách nhiệm các cá nhân liên quan đến sai phạm đã nêu, xử lý theo thẩm quyền; đồng thời QTDND Xuân Định tự kiểm tra, rà soát toàn bộ những nội dung chưa được thanh tra, lưu ý kiểm tra



công tác tín dụng, theo dõi công tác chỉnh sửa sau thanh tra nhằm phát hiện kịp thời những sai phạm để chấn chỉnh, xử lý theo quy định của pháp luật. Thời hạn thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

*** Khuyến nghị:** Tài sản đảm bảo của các khoản vay đa số là đất trồng cây lâu năm và đất ở nông thôn, QTDND Xuân Định định giá theo giá thị trường nhưng chưa thu thập đầy đủ dữ liệu làm cơ sở định giá như thông tin giao dịch mua bán bất động sản, giá đất tham khảo trên các trang website mua bán có uy tín...để đánh giá đúng giá trị của tài sản đảm bảo. Việc định giá chưa đầy đủ sẽ dẫn đến không xác định chính xác giá trị tài sản đảm bảo, dễ dẫn đến rủi ro trong việc thực hiện xử lý tài sản khi khách hàng không trả được nợ.

Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc QTDND Xuân Định tổ chức thực hiện các kiến nghị nêu trên đúng thời hạn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác. Báo cáo kết quả thực hiện việc chấn chỉnh sau thanh tra gửi về Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai (qua Thanh tra, giám sát) định kỳ trước ngày 05 hàng tháng cho đến khi hoàn tất việc thực hiện các kiến nghị được nêu tại Kết luận thanh tra.

Kết luận thanh tra gồm 26 trang và 01 biểu sai phạm về cho vay do Đoàn thanh tra lập./. 

Nơi nhận:

- Cơ quan TTGSNH (để báo cáo);
- QTDND Xuân Định (để thực hiện);
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- TTGS Chi nhánh (để theo dõi KPSTT);
- Lưu VT, Hồ sơ thanh tra.

Đính kèm:

- Phụ lục 4.1.

**KT. CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT
PHÓ CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT PHỤ TRÁCH**

